TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST Ngày 12 tháng 6 năm 2025 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

Ông **Lê Tuấn Kiệt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 14/11/1981

Địa chỉ: Số N, Khóm B, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S, sinh ngày 30/4/1979

Nơi thường trú: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở: Doanh nghiệp hệ thống PCCC B, Khóm M, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và và ông Nguyễn Thành S tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa ngày 15/01/2024. Trong quá trình chung sống bà T xác định không nhận được sự tôn trọng từ ông S, ông S dùng bạo lực đánh vợ, hay đập

phá đồ đạc trong nhà, cuộc sống không an toàn. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông S.

- Về con chung; Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành S trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2025:

- Về hôn nhân: Ông S và bà T sống chung với nhau vào tháng 01/2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa ngày 15/01/2024. Vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Ông S đồng ý ly hôn với bà T, do bà T có nhiều mối quan hệ bên ngoài phức tạp, vợ chồng chung sống không hạnh phúc.

- Về con chung; Về tài sản chung; Nợ chung: Ông S xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Kim T đối và ông Nguyễn Thành S.

Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành S, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông S có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy bà Hoàng Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thành S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị Kim T và ông Nguyễn Thành S tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa ngày 15/01/2024. Nên hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T xác định quá trình chung sống không nhận được sự tôn trọng từ ông S, ông S dùng bạo lực đánh vợ, hay đập phá đồ đạc trong nhà, cuộc sống không an toàn, đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Ông S xác định do bà T có nhiều mối quan hệ bên ngoài phức tạp, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông S đồng ý ly hôn với bà T.

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông S.

[4] Về con chung: Bà T và ông S xác định trong quá trình chung sống không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống, không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2025, ông S xác định trong quá trình chung sống với nhau ông S và bà T không có tài sản chung và nợ chung; ông S có đưa cho bà T số tiền 917.800.000 đồng, ông S xác định sẽ nộp đơn yêu cầu bà T trả lại cho ông S số tiền 917.800.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Ngày 03/3/2025 Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ. Ngày 28/3/2025 ông S đã nộp đơn khởi kiện bà T, yêu cầu khởi kiện là chia tài sản chung của bà T và ông S là số tiền 348.000.000 đồng và đòi lại số tiền ông S nhờ bà T giữ hộ là 569.000.000 đồng. Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự mà ông S không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, nên ngày 12/6/2025 Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông S. Ông S có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do bà T và ông S thuận tình ly hôn nên bà T và ông S mỗi người phải chịu án phí là 75.000 đồng. Bà T tự nguyện chịu án phí thay cho ông S, nên bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Kim T và ông Nguyễn Thành S.

2. Về con chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Hoàng Thị Kim T phải chịu 150.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003567 ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000 đồng, bà T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

đã ký

Lê Hồng Lam